TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2019/HCPT
Ngày: 23/7/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Phùng Hải Hiệp.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 164/2019/TLPT-HC ngày 26 tháng 4 năm 2019, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7071/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1967;

Địa chỉ: khu 6, thôn Man Đ, xã Tam H1, huyện Yên L, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Hà Trọng Th, sinh năm 1955; địa chỉ: số 22 phường Ngô Q, thành phố Vĩnh Y, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

**** Người bị kiện:*** Chủ tịch UBND huyện Yên L, tỉnh Vĩnh Phúc;

Địa chỉ: thị trấn Yên L, huyện Yên L, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H2 - Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh Th1 - Phó Chủ tịch, có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. UBND huyện Yên L, tỉnh Vĩnh Phúc;

Địa chỉ: thị trấn Yên L, huyện Yên L, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H2 - Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh Th1 - Phó Chủ tịch, có mặt.

2. UBND xã Tam H1, huyện Yên L, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn Kh - Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Văn T - Phó Chủ tịch, có mặt.

3. Bà Doãn Thị M, sinh năm 1970; vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1990; vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Tiến N, sinh năm 1996; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Man Đ, xã Tam H1, huyện Yên L, tỉnh Vĩnh Phúc.

6. Anh Nguyễn Duy H3, sinh năm 1993; hiện sinh sống và làm việc tại Nhật Bản; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, chị Th2, anh N, anh H3: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1967; thôn Man Đ, xã Tam H1, huyện Yên L, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/12/2018 và các lời khai tiếp theo người khởi kiện ông Nguyễn Mạnh H và người đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Hà Trọng Th thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Mạnh H nhận thuê khoán với Ủy ban nhân dân (UBND) xã Tam H1 13195,7m^2 đất công ích để thả cá, thời gian thuê từ năm 1996 đến năm 2018. Khi nhận thuê khoán, giữa ông H và UBND xã Tam H1 có ký hợp đồng kinh tế. Tháng 5/2017, UBND huyện Yên L đã thu hồi toàn bộ diện tích đất ông H thuê để thực hiện dự án xây dựng trường mầm non Tam H1. Ban bồi thường giải phóng mặt bằng (BTGPMB) huyện Yên L đã lập phương án bồi thường cho ông H về vật nuôi, cây trồng và tài sản trên đất phải thu hồi. Tuy nhiên, BTGPMB huyện Yên L đã không cho ông H được hưởng các khoản hỗ trợ ổn định đời sống và đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm. Ông H đã viết đơn đề nghị đến Ban BTGPMB huyện Yên L và được Ban BTGPMB huyện Yên L trả lời: Do ông H thuê đất 5% của xã quản lý nên ông H không thuộc đối tượng được hưởng các khoản hỗ trợ ổn định đời sống, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Không đồng ý với nội dung trả lời của Ban BTGPMB huyện Yên L, ngày 07/9/2017 ông H khiếu nại đến UBND huyện Yên L. Sau đó ông H nhận được Văn bản số 1393/UBND ngày 06/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện Yên L. Tại

Văn bản này, UBND huyện Yên L đã trả lời ông H không thuộc đối tượng được nhận các khoản hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm, vì ông H là đối tượng thuê đất quỹ II (5%) do UBND xã Tam H1 quản lý. Hai khoản hỗ trợ này chỉ áp dụng cho đối tượng được giao đất quỹ I (95%) theo Nghị định 64 của Chính phủ. Không đồng ý với nội dung trả lời của Văn bản 1393 ngày 06/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện Yên L, ông H đã khiếu nại Văn bản 1393 đến Chủ tịch UBND huyện Yên L. Ngày 04/4/2018 ông H nhận được Quyết định 464/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện Yên L về việc giải quyết khiếu nại của ông H. Tại Quyết định này Chủ tịch UBND huyện Yên L cho rằng ông H không thuộc đối tượng được hưởng các khoản hỗ trợ ổn định đời sống, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Ông H thấy trái với quy định của Nhà nước khi thu hồi đất, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông theo khoản 2 Điều 72 Luật đất đai năm 2003; Điều 83; Điều 132 Luật đất đai năm 2013; Điều 15 Nghị định 64 ngày 27/9/1993 của Chính phủ; Điều 74 Nghị định số 181 ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Điều 19; Điều 20 Nghị định số 47 ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 4 Nghị định số 01 ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Điều 15, Điều 16 Quyết định số 35 ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Ông Nguyễn Mạnh H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết các nội dung cụ thể sau đây:

- Hủy một phần Công văn số 1393 ngày 06/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện Yên L liên quan đến khoản hỗ trợ ổn định đời sống, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

- Hủy Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Yên L.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện Yên L do người đại diện theo ủy quyền ông Trần Thanh Th1 - Phó chủ tịch UBND huyện Yên L, tỉnh Vĩnh Phúc trình bày:

Về Công văn số 1393/UBND-BBT ngày 06/11/2017: UBND huyện Yên L nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Mạnh H đề ngày 07/9/2017 khiếu nại Văn bản trả lời đơn công dân (lần 2) số 249/TLĐ-BBTGPMB ngày 05/9/2017 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng và phát triển quỹ đất (BTGPMB & PTQĐ), không đồng ý với một số nội dung đã trả lời. Sau khi xem xét các nội dung khiếu nại của ông H và xem xét nội dung trả lời đơn số 249/TLĐ-BBTGPMB ngày 05/9/2017 của BTGPMB & PTQĐ huyện. Chủ tịch UBND huyện Yên L đã trả lời ông H bằng Văn bản số 1393/UBND-BBT ngày 06/11/2017, với nội dung: Căn cứ quy định tại điểm d khoản; 1 Điều 19 Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và quy định tại khoản 3 Điều 14 kèm theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Vĩnh

Phúc "*Quy định cho đất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông lâm trường quốc doanh trước ngày có quyết định chuyển thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên khi Nhà nước thu hồi đất mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp và có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông, lâm nghiệp thì được hỗ trợ bằng (=) 30% giá đất có cũng mục đích sử dụng và cùng hạng",* Như vậy, ông H không thuộc đối tượng quy định nêu trên vì ông H thuê đất quỹ II (5%) do UBND xã quản lý thì không thuộc đối tượng được hưởng các khoản hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm. Hai khoản hỗ trợ này chỉ áp dụng cho đối tượng được giao đất quỹ I (95%) theo Nghị định 64/CP, được quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và quy định tại khoản 1 Điều 15 kèm theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Về yêu cầu hủy Quyết định 464/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện Yên L: Ngày 13/11/2017 ông H có đơn khiếu nại nội dung Văn bản số 1393/UBND-BBT ngày 06/11/2017. Chủ tịch UBND huyện Yên L đã ban hành Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 giải quyết, việc ban hành Quyết định 464/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện Yên L nêu trên dựa vào kết quả nội dung xác minh như sau:

Ngày 30/12/2013 UBND xã Tam H1 đã ký Hợp đồng số 04 giao khoán đất quỹ II (đất 5%) với ông H tổng diện tích là 13.196m^2 thời hạn giao khoán là 5 năm bắt đầu từ ngày 31/12/2013 đến hết 30/12/2018.

Ngày 30/12/2018 UBND xã Tam H1 đã ký Hợp đồng số 05 giao khoán đất quỹ II (đất 5%) với ông H có tổng diện tích là 810,5m^2 với thời hạn giao khoán là 05 năm bắt đầu từ ngày 31/12/2013 đến hết ngày 30/12/2018.

Kết quả xác minh 02 hợp đồng có đủ điều kiện để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét khi thu hồi đất được lập phương án, bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Xác minh diện tích đất nông nghiệp quỹ I gia đình ông H được chia theo Nghị định số 64/NĐ-CP: Năm 1993 thực hiện Nghị định số 64/NĐ-CP gia đình ông H có 04 khẩu và theo quy định của địa phương tại thời điểm chia ruộng mỗi khẩu được chia 360m^2 quỹ đất I. Tại thời điểm gia đình ông H được chia 1440m^2 đất quỹ I và 120m^2 đất rau xanh tổng diện tích đất quỹ I là 1560m^2 gia đình vẫn đang sử dụng ổn định.

Làm việc với BTGPMB & PTQĐ: Kiểm tra hồ sơ các văn bản làm căn cứ để lập phương án hỗ trợ, bồi thường và quy trình thủ tục lập phương án. Kết quả BTGPMB & PTQĐ đã căn cứ vào các văn bản hiện hành để tham mưu cho UBND huyện Yên L ban hành các văn bản theo quy định và thực hiện đầy đủ, đúng quy định để lập phương án bồi thường, hỗ trợ như: Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 47/NĐ-CP; Nghị định số 01/NĐ-CP; Quyết định số 35/QĐ-UBND tỉnh Vĩnh Phúc để tính toán bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông H. Ông H đã nhận đầy đủ số tiền theo Quyết định số 3974/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Yên L.

Căn cứ vào quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và quy định tại khoản 3 Điều 14 kèm theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc là *"Quy định cho đất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông lâm trường Quốc doanh trước ngày có quyết định chuyển thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên khi Nhà nước thu hồi đất mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp và có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông, lâm nghiệp thì được hỗ trợ bằng (=) 30% giá đất có cùng mục đích sử dụng và cùng hạng"*. Theo quy định này thì ông H không thuộc đối tượng được hưởng các khoản hỗ trợ *"ổn định đời sống và hỗ trợ chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm"* vì ông H là đối tượng thuê đất quỹ II (5%) do UBND xã quản lý. Hai khoản này chỉ áp dụng cho đối tượng được giao đất quỹ I (95%) theo Nghị định 64/NĐ-CP được quy định tại Điều 19; Điều 20 Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và quy định tại Điều 14; Điều 15 kèm theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Từ những căn cứ trên, Chủ tịch UBND huyện Yên L khẳng định việc ban hành Văn bản số 1393/UBND-BBT ngày 06/11/2017 và Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Chủ tịch UBND huyện Yên L đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Yên L do người đại diện theo ủy quyền ông Trần Thanh Th1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã Tam H1 đại diện là ông Chu Văn T trình bày tại bản tự khai ngày 05/12/2018:

Kiểm tra hồ sơ quy hoạch: Văn bản số 7448/UBND-CN1 ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc chấp thuận hồ sơ phạm vi giới thiệu địa điểm: mở rộng Trường mầm non xã Tam H1, Thông báo số 56/TB- UBND ngày

26/5/2017 của UBND huyện Yên L về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện công trình mở rộng Trường mầm non xã Tam H1 và Bản trích đo địa chính số 04/2017 về việc thu hồi và giao đất mở rộng Trường mầm non xã Tam H1.

Kiểm tra hồ sơ địa chính: Nguồn gốc diện tích đất mở rộng trường mầm non: Thuộc đất 5% do UBND xã quản lý và giao thầu cho ông H từ ngày 30/12/2013 đến ngày 30/12/2018 thì hết thời gian hợp đồng; loại đất là đất nuôi trồng thủy sản; hợp đồng giao khoán số 04 và số 05 ngày 30/12/2013 giữa UBND xã Tam H1 và ông H.

Công tác kiểm kê thu hồi đất: Biên bản kiểm kê tài sản và diện tích đất đợt 1 ông H đã ký; biên bản kiểm kê tài sản và diện tích đất đợt 2 ông H không ký vì ông H đề nghị hỗ trợ thêm tiền vận chuyển lợn đi nơi khác để tháo rỡ chuồng trại; biên bản làm việc ngày 01/6/2017 ông H đồng ý bàn giao mặt bằng trước từ ngày 02/6/2017 để thi công xây dựng công trình: San nền, cổng, tường rào, rãnh thoát nước và nhà bảo vệ; biên bản làm việc ngày 20/6/2017 ông H không nhất trí với một số nội dung trong biên bản làm việc thống nhất cho thu hồi đất trước thời gian theo quy định của pháp luật và cho đơn vị thi công trước để kịp tiến độ; biên bản làm việc ngày 28/7/2017 ông H không nhất trí với dự thảo phương án BTGPMB theo đơn giá quy định của UBND tỉnh Vĩnh Phúc; ông H có đơn đề nghị với bảy nội dung mà ông không nhất trí, ngày 04/8/2017 Ban BTGPMB & PTQĐ đã mời UBND xã Tam H1 và ông H lên làm việc theo đơn đề nghị của ông H. Ngày 16/8/2017 Ban BTGPMB & PTQĐ đã có Công văn số 221/TLĐ-BBTGPMB trả lời đơn đề nghị của ông H; ngày 15/8/2017, 21/8/2017 và 23/8/2017 UBND xã Tam H1 tiếp tục mời ông H ra làm việc để ký xác nhận vào biên bản kiểm kê tài sản và diện tích đất thu hồi bổ sung nhung ông H không ra làm việc với UBND xã và không ký vào biên bản kiểm kê nói trên; ngày 19/11/2017 UBND xã Tam H1 thành lập tổ tuyên truyền vận động và xây dựng kế hoạch tuyên truyền vận động ông H ký và nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB để bàn giao cho đơn vị thi công thực hiện.

UBND xã Tam H1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc, xét xử vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H về việc yêu cầu hủy một phần Văn bản số 1393/UBND-BBT ngày 06/11/2017 và Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên L về giải quyết khiếu nại với nội dung liên quan đến việc hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ

chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm, khi bị thu hồi toàn bộ diện tích đất ông Nguyễn Mạnh H thuê khoán theo hợp đồng với Ủy ban nhân dân xã Tam H1, để thực hiện dự án xây dựng trường mầm non xã Tam H1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/3/2019, người khởi kiện là ông Nguyễn Mạnh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Mạnh H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không khách quan, không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại cho gia đình ông. Nay ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào quy định của pháp luật để xét xử khách quan, chấp nhận nội dung kháng cáo của ông về việc yêu cầu hủy một phần Văn bản số 1393/UBND-BBT ngày 06/11/2017 và Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên L về giải quyết khiếu nại với nội dung liên quan đến việc hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm, khi ông bị thu hồi toàn bộ diện tích đất thuê khoán theo hợp đồng giữa ông với UBND xã Tam H1.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện, để đảm bảo quyền lợi cho người khởi kiện theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi kiểm tra tính có căn cứ pháp luật của bản án hành chính sơ thẩm đã khẳng định: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như thông qua thẩm vấn làm rõ tại phiên tòa thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H là hoàn toàn có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cũng không đưa ra được tình tiết, chứng cứ gì mới để làm căn cứ bảo vệ quyền lợi của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông H, để giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe trình bày của các đương sự là người khởi kiện, người đại diện của người khởi kiện, người bị kiện và quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và các qui định khác của pháp luật về giải quyết vụ án hành chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

- Về tố tụng: Trong các ngày 11/6/2018 và ngày 28/6/2018, ông Nguyễn Mạnh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Văn bản số 1393/UBND-BBT ngày 06/11/2017 và Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày

27/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện Yên L với nội dung liên quan đến việc hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm, khi UBND huyện Yên L thu hồi toàn bộ diện tích đất ông H thuê khoán theo hợp đồng với UBND xã Tam H1, huyện Yên L để thực hiện dự án xây dựng Trường mầm non Tam H1. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính để xác định yêu cầu khởi kiện của ông H còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là đúng pháp luật.

- Về nội dung: Xét việc ông Nguyễn Mạnh H yêu cầu hủy một phần Văn bản số 1393/UBND-BBT ngày 06/11/2017 liên quan đến việc hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm và hủy Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của UBND huyện Yên L về giải quyết khiếu nại, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

Từ ngày 30/12/2013 đến ngày 30/12/2018 thì hết thời gian hợp đồng. Tháng 5/2017, UBND huyện Yên L đã thu hồi toàn bộ diện tích đất ông H thuê để thực hiện dự án Trường mầm non Tam H1. Quá trình thu hồi ông H đã được Ban BTGPMB huyện Yên L lập phương án bồi thường cho ông H về vật nuôi, cây trồng và tài sản trên đất bị thu hồi. Tuy nhiên, Ban BTGPMB huyện Yên L không cho ông H được hưởng các khoản hỗ trợ ổn định đời sống và đào tạo chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm, nên ông đã viết đơn đề nghị Ban BTGPMB huyện Yên L, sau đó Ban BTGPMB huyện Yên L đã trả lời "Do ông H thuê đất 5% của xã quản lý nên ông không thuộc đối tượng được hưởng các khoản hỗ trợ ổn định đời sống, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm", bởi: "Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp; thu hồi đất kết hợp kinh doanh dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở".

Tại khoản 1, Điều 19 Nghị định số 47 ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi đất quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 của Luật đất đai.

Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất gồm các trường hợp: Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp khi thực hiện các nghị định gồm: Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Nghị định số 85/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá

nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về việc giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai và khoản 1 Điều 54 của Luật đất đai;

Như vậy, theo các quy định của pháp luật nêu trên thì ông Nguyễn Mạnh H không thuộc diện để được hưởng chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất.

Từ những phân tích và nhận định như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ pháp luật để chấp nhận nội dung kháng cáo về việc ông H đề nghị hủy một phần Văn bản số 1393/UBND-BBT ngày 06/11/2017 và Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện Yên L về giải quyết khiếu nại có nội dung liên quan đến việc hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm, khi bị thu hồi toàn bộ diện tích đất mà ông H đã hợp đồng thuê khoán với UBND xã Tam H1 là không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H, để giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Do người khởi kiện kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên và căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Mạnh H về việc đề nghị Hủy một phần Văn bản số 1393/UBND-BBT ngày 06/11/2017 và Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên L, để giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Luật khiếu nại 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H về việc yêu cầu hủy một phần Văn bản số 1393/UBND-BBT ngày 06/11/2017 và Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên L về giải quyết khiếu nại với nội dung liên quan đến việc hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm, khi bị thu hồi toàn bộ diện tích đất ông Nguyễn Mạnh H thuê khoán theo hợp đồng với Ủy ban nhân dân xã Tam H1 để thực hiện dự án xây dựng Trường mầm non Tam H1.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Mạnh H phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2017/0004628 ngày 17/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (23/7/2019).

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THA dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hùng